

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 274 /QĐ-CDQN ngày 14 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quảng Nam)

Tên nghề đào tạo: Thú y

Bậc, trình độ đào tạo: Bậc I, trình độ sơ cấp

Đối tượng tuyển sinh: Người từ đủ 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

Số lượng mô-đun, tín chỉ đào tạo: 04 mô-đun, 9 tín chỉ

Thời gian đào tạo: 03 tháng

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Chứng chỉ sơ cấp, bậc I

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực hành nghề tương xứng với trình độ sơ cấp nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản của nghề Thú y; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi tốt nghiệp trình độ sơ cấp nghề Thú y, người học đạt được những năng lực:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được kiến thức chung về chăn nuôi đại cừong, dược lý thú y; bệnh truyền nhiễm thú y;
- Mô tả sơ lược được các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh cho vật nuôi;
- Vận dụng những kiến thức đã học phát hiện được các bệnh thường gặp trên các loại vật nuôi khác nhau để có biện pháp phòng, chống và điều trị bệnh.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện được quy trình chăn nuôi gà, lợn, bò; chẩn đoán được bệnh thông qua triệu chứng lâm sàng;
- Xác định được nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích và các biện pháp phòng - trị bệnh thường gặp ở vật nuôi;
- Sử dụng được các loại thuốc thông dụng trên thị trường để phòng và trị bệnh cho vật nuôi hiệu quả.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, sáng tạo ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, giải quyết các tình huống kỹ thuật cơ bản trong thực tế;

- Có ý thức bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm.

1.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phòng, chống dịch bệnh;
- Chẩn đoán, điều trị bệnh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng mô đun đào tạo: 04 mô đun
- Khối lượng học tập toàn khóa học : 9 tín chỉ
- Thời gian của khóa học: 315 giờ, trong đó:
 - + Khối lượng học tập lý thuyết: 34 giờ
 - + Khối lượng học tập thực hành: 271 giờ;
 - + Thi, kiểm tra: 10 giờ.

3. Nội dung chương trình

TT	Mã mô-đun	Tên mô-đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập	Thi, kiểm tra
1	SMĐ 01	Chăn nuôi đại cương	1	45	8	36	1
2	SMĐ 02	Dược lý thú y	2	60	13	45	2
3	SMĐ 03	Bệnh truyền nhiễm thú y	3	105	13	90	2
4	SMĐ 04	Thực hành chuyên đề Thú y	3	105	0	100	5
Tổng cộng			9	315	34	271	10

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Thời gian hoạt động đào tạo:

- Thời gian khóa học: 03 tháng.
- Một giờ học thực hành là 60 phút, một giờ học lý thuyết là 45 phút.
- Một ngày học không quá 8 giờ thực hành hoặc 6 giờ lý thuyết.
- Một tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

4.2. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, định kỳ, kết thúc mô-đun:

a) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ

- Mỗi mô-đun có ít nhất một cột kiểm tra thường xuyên và một cột kiểm tra định kỳ.

b) Kiểm tra kết thúc mô-đun

- Điều kiện kiểm tra kết thúc mô-đun:

- + Người học phải tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành.
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên.

- Hình thức và thời gian kiểm tra:

+ Thực hiện bài kiểm tra kỹ năng tổng hợp, gồm kiến thức và kỹ năng thực hành một hoặc một số khâu công việc của nghề.



- + Thời gian kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ: Theo bảng phân bố giờ/mô-đun.
- + Thời gian thi/kiểm tra kết thúc mô-đun: Tự luận (viết): 90 phút/ mô-đun.

- Cách tính điểm mô-đun:

+ Điểm mô-đun là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm kiểm tra kết thúc mô-đun có trọng số 0,6.

+ Điểm trung bình các điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

c) Thang điểm:

- Kết quả kiểm tra được đánh giá theo phương pháp tính điểm và dùng thang điểm 10 (từ 0 đến 10);

- Điểm đánh giá bài kiểm tra được tính tròn đến một chữ số thập phân.

4.3. Công nhận tốt nghiệp

a) Cách tính điểm tổng kết khóa học

Điểm tổng kết khóa học của người học trình độ sơ cấp được tính theo công thức sau:

$$D_{TKKH} = \frac{\sum_{i=1}^n D_{iTKM}}{n}$$

Trong đó:

- D_{TKKH} : Điểm tổng kết khóa học
- D_{iTKM} : Điểm tổng kết mô-đun thứ i
- n : Số lượng các mô-đun đào tạo

b) Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

- Người học trình độ sơ cấp được công nhận tốt nghiệp khi có điểm tổng kết khóa học được tính từ 5,0 trở lên.

- Không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp.

c) Xếp loại tốt nghiệp

- Việc xếp loại tốt nghiệp cho học sinh được căn cứ vào điểm tổng kết khóa học.
- Các mức xếp loại tốt nghiệp được quy định như sau:
 - + Loại xuất sắc có điểm tổng kết khóa học từ 9,0 đến 10;
 - + Loại giỏi có tổng kết khóa học từ 8,0 đến dưới 9,0;
 - + Loại khá có điểm tổng kết khóa học từ 7,0 đến dưới 8,0;
 - + Loại trung bình khá có điểm tổng kết khóa học từ 6,0 đến dưới 7,0;
 - + Loại trung bình có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 đến dưới 6,0.
- Các mức xếp loại tốt nghiệp xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá của học sinh sẽ bị giảm đi một mức nếu người học bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học hoặc có một mô-đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

- Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào bảng tổng hợp kết quả học tập của học sinh.



1.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp, người được đào tạo có khả năng tham gia học lên trình độ cao hơn như trung cấp, cao đẳng nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.4. Danh mục tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Thành (2012), *Giáo trình Giải phẫu - sinh lý động vật*, NXB Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc.
- [2]. Nguyễn Quang Linh 2005, *Giáo trình Chăn nuôi lợn*, ĐH Nông lâm Huế.
- [3]. PGS. Lê Đức Ngoan 2004, *Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi*, ĐH Nông Lâm Huế.
- [4] TS. Nguyễn Như Pho, ThS.Võ Thị Trà An (2003), *Bài giảng Dược lý thú y*, Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] TS. Nguyễn Như Pho, BSTY. Nghiêm Thị Anh Đào (2005), *Giáo trình Dược lý thú y*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- [6]. Bùi Thị Tho, Nguyễn Thị Thanh Hà (2015), *Giáo trình Dược lý học thú y*, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- [7] Hồ Thị Việt Thu (2006), *Giáo trình bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ (2011), *Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
- [9]. *Giáo trình môn học Luật Thú y*, 2020, Nhà xuất bản Lào Cai.
- [10]. *Nghị định chi tiết thi hành một số điều của Luật thú y*, Hà Nội, số 35/2016/NĐ-CP. *kh*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Vũ Thị Phương Anh